

Bản án số: 65/2023/HS-PT
Ngày: 17-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân và bà Trương Thị Đào Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Hạ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố H) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 41/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đức P, Ngô Tấn T, Lê Quốc Th. Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đức P, Ngô Tấn T, Lê Quốc Th và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Lê Văn S; sinh năm 2007 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Tại thời điểm phạm tội bị cáo 15 tuổi 6 tháng 13 ngày. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A, sinh năm 1974 và bà Trần Thị H, sinh năm 1981; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/8/2022 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 06/01/2023 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Văn Đức H; sinh năm 2007 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Tại thời điểm phạm tội bị cáo 15 tuổi 7 tháng 10 ngày; Nơi cư trú: 177 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn S, sinh năm 1976 và con bà Lê Thị H2, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/8/2022 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 06/01/2023 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Đắc P; sinh năm 2007 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Tại thời điểm phạm tội bị cáo 15 tuổi 15 ngày Nơi cư trú: 39/2 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đắc Q, sinh năm 1969 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/8/2022 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 06/01/2023 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Ngô Tấn T; sinh năm 2006 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Tại thời điểm phạm tội bị cáo 15 tuổi 10 tháng 20 ngày; Nơi cư trú: 170A H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tấn Th1, sinh năm 1974 và con bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1978; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/8/2022 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 06/01/2023 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Lê Quốc Th; sinh ngày năm 2007 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Tại thời điểm phạm tội bị cáo 15 tuổi 5 tháng 23 ngày; Nơi cư trú: Tổ 21, Khu vực 7, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc V, sinh năm 1974 và con bà Ngô Thị Tr1, sinh năm 1975; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/8/2022 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 06/01/2023 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn S:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1974 (có mặt) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1981 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Văn Đức H:* Ông Văn S, sinh năm 1976 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: 177 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đắc P:* Ông Nguyễn Đắc Q, sinh năm 1969 và bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: 39/2 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Tấn T:* Ông Ngô Tấn Th1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: 170A H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Quốc Th:* Ông Lê Quốc V, sinh năm 1974 (vắng mặt) và bà Ngô Thị Tr1, sinh năm 1975 (có mặt); Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu vực 3, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người bào chữa cho bị cáo Văn Đức H:* Bà Nguyễn Thị B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn S và Nguyễn Đắc P:* Bà Nguyễn Thị S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc Th và Ngô Tấn T:* Bà Đỗ Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài nên khoảng 00 giờ 00 phút ngày 12/08/2022, Lê Văn S nhắn tin cho Nguyễn Toàn Th2 với nội dung “ê, đi không” thì Th2 nhắn tin hỏi “đi mô”, S nhắn tin tiếp “đi cướp không” thì Th2 nhắn tin trả lời “đi”. S tiếp tục nhắn tin rủ Văn Đức H “đi cướp cùng với tao và Th2 không” thì H nhắn tin trả lời “đi”. Khoảng 07 phút sau, H chạy xe mô tô Wave màu xanh, không có biển kiểm soát đến chỗ S và Th2 chạy đến đường T, phường A, thành phố H lấy 05 vỏ chai bia Huda với mục đích mang theo để đánh và đe dọa người đi đường nhằm cướp tài sản. H chạy xe theo hướng cầu vượt T - TA, khi đến ngã tư Tỉnh lộ 10 xã P, huyện P, H rẽ trái lên hướng phường P, thành phố H khoảng 500 mét thì phát hiện chị Hà Thị C, sinh năm 1994 ở thôn T, xã P, huyện P điều khiển xe mô tô mang biển số 75H1 - 425.73 theo hướng P - P thì Th2 nói “đó tè”, khi đó H quay xe lại đuổi theo chị C khoảng 01km, khi còn cách xe chị C khoảng 2 - 3 mét thì S lấy 01 vỏ chai bia Huda ném vào đầu chị C đang đội mũ bảo hiểm, chị C dừng xe lại và hỏi “chị rứa”, H quay xe lên và dừng lại, Th2 xuống xe đi đến dùng vỏ chai bia đã được đập vỡ dí vào sau lưng chị C và nói “có mấy tiền bạc đem ra đây hết!”, chị C la lên và nói “chị biết chi mô, chị mới đi làm về, chị không có tiền” khi đó S dùng 01 vỏ chai bia Huda khác đánh vào vai trái chị C rồi dùng tay lục tìm tài sản ở túi áo nhưng không có gì, thấy mặt chị C chảy máu thì H nói “đi cho rồi” rồi cả ba lên xe đi về nhà ngủ.

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 13/08/2022, S cùng với H, Th2 Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Trần Văn Tr2 ngồi chơi ở khu vực Học viện H, S nháy mắt ra hiệu cho Th2, Th2 hiểu là đi cướp nên gật đầu đồng ý và Th2 gắp riêng T để rủ T đi

cướp, lúc đầu T sợ nên trả lời là “không”. Th2 tiếp tục nói “đi để lái xe thôi còn để tui ấy làm” thì T đồng ý. S rủ H và Tr2 đi cướp tài sản thì H và Tr2 đồng ý nên H điều khiển xe mô tô Wave màu xanh không biển số chở S và Tr2 đến đường H lấy 08 vỏ chai bia Huda rồi đợi Th2 đến. P thấy Th2 và T lấy áo tay dài, khẩu trang, đồng thời có nghe kể chuyện đi cướp lúc đi chơi nên biết là chuẩn bị đi cướp tài sản nên đi cùng. Khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu trắng biển kiểm soát 75F1-46.345 chở Th2 và P đến điểm hẹn. S cầm 02 vỏ chai bia, Th2 cầm 02 vỏ chai bia, P cầm 02 vỏ chai bia và Tr2 cầm 02 vỏ chai bia để làm hung khí. H chạy xe mô tô Wave màu xanh không có biển số chở S và Tr2, T chạy xe mô tô mang biển kiểm soát 75F1 - 46.345 chở P và Th2, rồi cùng nhau chạy về đường Tỉnh lộ 10A xã P, huyện P để tìm kiếm phụ nữ đi đường chặn cướp tài sản. Xe T chạy trước, xe H chạy sau. Khi đến thôn M, xã P, huyện P thì phát hiện chị Hồ Thị L1, sinh năm 1979 ở tại thôn M, xã P, huyện P đang chạy xe mô tô biển kiểm soát 75F1 - 5961 theo hướng ngược lại, T bấm còi ra hiệu thì H chạy xe chậm lại, Tr2 nhảy xuống xe dùng chân đạp vào xe của chị L1 ngã xuống đường rồi chạy đến dùng tay bịt miệng chị L1 lại không cho la, S chạy đến thấy có một túi ni lông treo ở xe mô tô tưởng có tài sản bên trong nên S giật túi ni lông, khi đó có ánh đèn sáng của xe chạy đến nên cả nhóm lên 02 xe mô tô bỏ chạy theo hướng cầu Sam, thôn M, xã P qua xã T, thị xã H rồi chạy lên thành phố H về nhà ngủ.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, trong lúc đi chơi cùng nhau thì H rủ Lê Quốc Th tới nay đi cướp tài sản thì Th đồng ý rồi ai về nhà nấy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, H nhắn tin cho S hỏi “đi không” nghĩa là đi cướp tài sản không thì S trả lời đi, sau đó H chạy xe mô tô Wave màu xanh không có biển số chở Th rồi qua chở S đến đường H, thuộc phường A, thành phố H chơi một lúc rồi chạy xe đến chung cư V, phường X, thành phố H để hút trộm xăng của xe mô tô, lúc này H vào trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave màu đen biển kiểm soát 37H1 - 671.37 của anh Nguyễn Việt Đức M sinh năm: 2002, ở tại phòng 6, chung cư V rồi đẩy xe về đường H. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/8/2022, Th2 chạy xe mô tô mang biển kiểm soát 75F1 - 46.345 chở P đến thì S nháy mắt Th2, Th2 hiểu ý là đi cướp nên chạy xe mô tô chở P về nhà cất xe, S chạy xe Wave màu xanh không biển số, H chạy xe Wave màu đen không biển số chở Th đến nhà Th2. H giao xe Wave màu đen cho Th chạy chở P, còn H chạy xe Wave màu xanh chở S và Th2 rồi cùng chạy xe đến nhà trọ của Trần Văn Tr2 ở đường H, phường A để chở Tr2 cùng đi cướp tài sản. Do sợ bị phát hiện nên Th chở P và Tr2 đi mua khẩu trang và hẹn gặp nhau tại khu vực A, H chạy xe Wave màu xanh chở S và Th2 đến đường H lấy 08 vỏ chai bia Huda để bên đường rồi đến chỗ hẹn nhau; khi Th chở P và Tr2 đến thì mỗi người ngồi sau gồm P, Tr2, Sáng, Th2 mỗi người cầm 02 vỏ bia Huda để làm hung khí. Khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày, H chạy xe Wave màu xanh chở S và Th2, Th chạy xe Wave màu đen chở P và Tr2 theo đường cầu vượt T - TA đến ngã tư xã P rồi rẽ phải về đường Tỉnh lộ 10A để tìm phụ nữ đi đường cướp tài sản, khi đến thôn P, xã P, huyện P các đối tượng đang đứng đợi những người phụ nữ đi trên đường để chặn cướp tài sản thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt giữ và điều tra làm rõ. Riêng bị can Trần Văn Tr2 đang bỏ trốn chưa bắt được.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 (một) bộ áo quần mưa trị giá 25.000 đồng và 02 (hai) sợi dây cao su trị giá 15.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 40.000 đồng.

- Tại bản kết luận định giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 480-22/TgT ngày 20/10/2022 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y sở y tế Thừa Thiên Huế đối với chị Hà Thị C kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương phần mềm gò má trái để lại sẹo: 3%. Chạm thương nông cánh tay trái không để lại dấu vết, không ảnh hưởng chức năng: 0%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể chung hiện tại là: 3% (ba phần trăm).”

- Tại bản kết luận định giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 479-22/TgT ngày 20/10/2022 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y sở y tế Thừa Thiên Huế đối với chị Hồ Thị L1 kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chạm thương phần mềm cánh tay trái không để lại dấu vết, không ảnh hưởng chức năng: 0%. Sẹo phần mềm ngón II mu bàn tay trái, không ảnh hưởng chức năng: 1%. Chạm thương phần mềm gối trái không để lại dấu vết, không ảnh hưởng chức năng: 0%

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể chung hiện tại là: 1% (một phần trăm).

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

+ Vật chứng đã trả lại:

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu VSMART Star 5, màu xanh; số IMEI: 358877980484694. Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho sở hữu hợp pháp là ông Lê Văn A theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng; số Ivizi. 354389068504066. Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Ngô Tấn T theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu hồng; số IMEI: 353335073111216 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Quốc Th theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) áo mưa lòn màu xanh, tay dài 40cm, thân áo kích thước (80x80) cm; một quần dài mưa có 02 ống dài 90cm Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hồ Thị L1 theo quy định của pháp luật.

- 01(một) máy điện thoại di động hiệu OPPO A55, số IMEI: 866787050953970, màu xanh và 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 75F1 - 46.345, nhãn hiệu Yamaha sirius, màu trắng đen; số khung C6J0FY160210; số máy 5C6J160214. Quá trình điều tra xác định, Th2 sử dụng xe mô tô và điện thoại để phạm tội, chị Nguyễn Thị D không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện P

đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật.

+ Vật chứng đang tạm giữ: 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám, đã bị vỡ vành trước tạm giữ ngày 12/8/2022 do chị Hà Thị C giao nộp; 01 (một) vỏ chai bia màu nâu, loại có thể tích 450ml, không có nắp thu giữ tại hiện trường ngày 12/8/2022; 01 (một) vỏ chai bia huda màu nâu bị vỡ đầu hai, loại có thể tích 450ml thu - giữ tại hiện trường ngày 12/8/2022; 01 (một) vỏ chai bia huda màu nâu, loại có thể tích 450ml, có nắp tạm giữ ngày 13/8/2022 do chị Hồ Thị L1 giao nộp; 01 (một) vỏ chai bia huda màu nâu, loại có thể tích 450ml, bị vỡ phần đầu và đáy chai tạm giữ ngày 13/8/2022 do chị Hồ Thị L1 giao nộp; 02 (hai) vỏ chai bia huda màu nâu, loại có thể tích 450ml, không có nắp tạm giữ ngày 14/8/2022 do Lê Văn S giao nộp.

+ Vật chứng chuyển giải quyết theo thẩm quyền:

- 01 (một) xe mô tô không mang biển số, nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc; số khung RLHJA3927MY205314; số máy JA39E-2324574. Quá trình điều tra xác định xe mô tô là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 14/8/2022 tại chung cư V, phường X, thành phố H không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an huyện P nên đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

+ Vật chứng không thu giữ được:

- Đối với vật chứng là 02 sợi dây cao su, màu đen, quá trình điều tra đã truy thu nhưng không thu giữ được.

- Đối với xe mô tô không mang biển số, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh là phương tiện gây án, quá trình điều tra đã xác minh nhưng chưa thu giữ được.

* Phần trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hà Thị C và chị Hồ Thị L1 không yêu cầu bồi thường gì và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 25/4/2023, Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

[1] Về tội danh: Căn cứ vào điểm d khoản 02 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Toàn Th2, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th phạm tội “Cướp tài sản”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 168, điểm b, h, s khoản 01, khoản 02 Điều 51; điểm g, o khoản 01 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 58; Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. *Xử phạt:*

Bị cáo Nguyễn Toàn Th2 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 168, điểm b, h, s khoản 01, khoản 02 Điều 51, điểm g, Khoản 01 điều 52, Điều 38, Điều 54; Điều 58; Khoản 02 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. *Xử phạt:*

Bị cáo Lê Văn S 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 168, điểm h, s khoản 01, khoản 02 Điều 51, điểm g khoản 01 điều 52, Điều 38, Điều 54; Điều 58; Khoản 02 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. *Xử phạt:*

Bị cáo Văn Đức H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

Bị cáo Nguyễn Đắc P 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 168, điểm h, s khoản 01, khoản 02 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58; Khoản 02 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. *Xử phạt:*

Bị cáo Ngô Tấn T 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 168, điểm h, s, khoản 01 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Khoản 01, khoản 02 Điều 57; Điều 58; Khoản 02, Điều 101; Khoản 02 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. *Xử phạt:*

Bị cáo Lê Quốc Th 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Toàn Th2, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th là người chưa thanh niên. Nên buộc ông Lê Văn A và bà Trần Thị H1 là cha mẹ nộp thay cho bị cáo S; buộc ông Văn S và bà Lê Thị H2 là cha mẹ nộp thay cho bị cáo H; buộc ông Nguyễn Đắc Q và bà Trần Thị L là cha mẹ nộp thay cho bị cáo P; buộc ông Ngô Tấn Th1 và bà Nguyễn Thị Tr là cha mẹ nộp thay cho bị cáo T; buộc ông Lê Quốc V và bà Ngô Thị Tr1 nộp thay cho bị cáo Th.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/4/2023 bị cáo Nguyễn Đắc P kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 04/5/2023 bị cáo Lê Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Ngô Tấn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Văn Đức H kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 05/5/2023 bị cáo Lê Quốc Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 08/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện P có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 107/QĐ-VKSPV kháng nghị về phần hình phạt và phần án phí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo đối với Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th và miễn án phí đối với các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th.

Ngày 10/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện P có Quyết định bổ sung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 162/QĐ-VKSPV kháng nghị về phần hình phạt đối với Lê Văn S và Văn Đức H theo hướng hạ mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo Điều 54, Điều 101 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa rút một phần kháng nghị là xử phạt Nguyễn Đắc P tù có thời hạn, giữ nguyên các nội dung khác của quyết định kháng nghị và bổ sung quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn S từ 2 năm 6 tháng đến 2 năm 9 tháng tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Văn Đức H 2 năm 3 tháng tù. Nguyễn Đắc P từ 1 năm 9 tháng đến 2 năm tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Ngô Tấn T từ 1 năm 9 tháng đến 2 năm tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 65; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Quốc Th từ 6 tháng đến 8 tháng tù cho hưởng án treo.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Ngô Tấn T, Lê Quốc Th.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Các bị cáo là người chưa thành niên, suy nghĩ còn hạn chế, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt. Cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa xem xét đến nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo, bị cáo Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T, Lê Quốc Th áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P trong hạn luật định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 00 giờ 44 phút, ngày 12/8/2022, tại Tỉnh lộ 10 thuộc xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Lê Văn S, Nguyễn Toàn Th2 và Văn Đức H đã lợi dụng đêm tối vắng người, sử dụng vỏ chai bia đe dọa và tấn công chị Hà Thị C đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75H1 - 425.73 chạy trên đường Tỉnh lộ 10B nhằm chiếm đoạt tài sản, làm chị C bị tổn thương cơ thể 3%. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 13/8/2022, với thủ đoạn tương tự, Lê Văn S, Nguyễn Toàn Th2, Văn Đức H, Trần Văn Tr2, Ngô Tấn T và Nguyễn Đắc P đã dùng vỏ chai bia tấn công chị Hồ Thị L1 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75F1 – 5961 chạy trên đường Tỉnh lộ 10B làm cho chị L1 ngã xuống đường, rồi dùng tay bịt miệng để chiếm đoạt tài sản gồm bộ áo mưa, 02 dây cao su với tổng giá trị 40.000 đồng, đồng thời làm chị L1 bị tổn thương cơ thể 1%. Khoảng 02 giờ ngày 14/8/2022, Văn Đức H, Lê Quốc Th, Lê Văn S, Nguyễn Toàn Th2, Nguyễn Đắc P và Trần Văn Tr2 đã chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội để thực hiện hành vi cướp tài sản nhưng chưa thực hiện được thì bị phát hiện bắt giữ. Các bị cáo sử dụng vỏ chai bia là phương tiện nguy hiểm để cướp tài sản thuộc trường hợp “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện P đã kết án các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, thấy rằng:

Về hình phạt:

Các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th vì để có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng đêm tối vắng người để thực hiện hành vi cướp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn S và Văn Đức H là người rủ rờ, lôi kéo các bị cáo khác đồng thời là người thực hiện hành vi phạm tội. S là người có hành vi dùng vỏ chai bia tấn công, chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên hành vi của bị cáo S có tính chất, mức độ nguy hiểm hơn hành vi của bị cáo H. Bị cáo Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T tham gia với vai trò là người giúp sức nên chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau sau bị cáo S và H. Riêng bị cáo Lê Quốc Th tham gia trong trường hợp chuẩn bị phạm tội nên chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S, H, P phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S, H, P, T, Th được hưởng tình tiết “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S, H, P, T được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo S còn hưởng tình tiết “tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều là người dưới 16 tuổi phạm tội, có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn S 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, Văn Đức H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù trên cơ sở áp dụng khoản 1 Điều 54, khoản 2 Điều 102 Bộ luật hình sự là chưa đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, các bị cáo được hưởng mức án không quá 1/2 mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Do đó, mức án 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù và 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo cũng như tính chất, vai trò của bị cáo trong vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T, Lê Quốc Th 03 (Ba) năm tù. Các bị cáo là người giúp sức trong vụ án, có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Ngô Tấn T và Lê Quốc Th không phạm vào tình tiết tăng nặng nào, việc tách bị cáo Ngô Tấn T và Lê Quốc Th ra khỏi xã hội là không cần thiết, cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo T và Th được hưởng án treo như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và kháng cáo của các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Riêng bị cáo Lê Quốc Th là người giúp sức trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội nên cần tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 101, khoản 2 Điều 102 xử phạt bị cáo Lê Quốc Th 03 (Ba) năm tù là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Bởi khung hình phạt được áp dụng trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội là từ 01 năm đến 05 năm tù và theo quy định tại khoản 2 Điều 102 mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 1/3 mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt là 01 năm 08 tháng tù. Do đó, việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Quốc Th 03 năm tù là vượt quá mức hình phạt tối đa theo quy định pháp luật.

Về án phí:

Các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th là người dưới 16 tuổi phạm tội nên thuộc trường hợp quy định tại Điều 1 Luật trẻ em năm 2016; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị cáo được miễn án phí. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên các bị cáo trên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là chưa đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và phần còn lại của Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H, Nguyễn Đắc P, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn S 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, Văn Đức H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù là chưa phù hợp với quy định tại Điều 54, khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S, H, P là có căn cứ, cần được chấp nhận. Về kháng cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo S, H là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác cùng thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo S, H là người trực tiếp thực hiện các hành vi tấn công, chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo Nguyễn Đắc P phạm tội 2 lần. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm, nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo S, H, P không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H Nguyễn Đắc P. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Ngô Tấn T và Lê Quốc Th. Chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và phần còn lại của kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Sửa bản án hình sự sơ thẩm về áp dụng hình phạt và án phí.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Văn Đức H Nguyễn Đắc P, Ngô Tấn T và Lê Quốc Th phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Văn Đức H 2 năm 9 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

Bị cáo Nguyễn Đắc P 2 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến ngày 06/01/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Tấn T 1 năm 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 năm 6 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Ngô Tấn T cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 168; điểm h, s, khoản 1 Điều 51; Điều 65; khoản 1, khoản 2 Điều 57; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc Th 1 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Quốc Th cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Phòng PV06-CA Tỉnh;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- CQCSĐT huyện P;
- CQ THA hình sự CA huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- Bị cáo;
- Chi cục THA huyện P;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Bình